

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH LỢI
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: 115/2023/DS-ST

Ngày 20 - 11 - 2023

*V/v: Tranh chấp bồi thường
thiệt hại ngoài hợp đồng.*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỢI, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thụy Lan Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Kim Thị Sà Mết
2. Bà Trần Thị Phương Anh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhựt, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Châu Ngọc Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 105/2023/TLST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2023 về “*tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2023/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- Đồng nguyên đơn:

- + Bà Đỗ Thị C, sinh năm 1987.
- + Ông Đỗ Văn T, sinh năm 1959.
- + Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1961.

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà G, ông T1: Bà Đỗ Thị C, sinh năm 1987. Địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Theo văn bản ủy quyền ngày 05/7/2023 (có mặt).

- Đồng bị đơn:

- + Ông Lê Văn H, sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

- + Ông Lê Văn T2, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đặng Trung H1, sinh năm 1982.
Địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H1: Bà Đỗ Thị C, sinh năm 1987. Địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Theo văn bản ủy quyền ngày 05/7/2023 (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 5 năm 2023, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 02/6/2023 và quá trình tố tụng tại Tòa án, đồng nguyên đơn bà Đỗ Thị C, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của đồng nguyên đơn ông Đỗ Văn T3, bà Nguyễn Thị G, là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đặng Trung H1 trình bày: Gia đình bà C với gia đình ông Lê Văn H có hai phần đất ruộng cấp ranh nhau, hai gia đình chỉ là hàng xóm với nhau, không bà con thân thuộc. Khoảng ngày 15/3/2023 bà C có đắp bờ ruộng, có sự chứng kiến vợ ông H tên Võ Thị Tuyết H2, mẹ bà C là bà Nguyễn Thị G, bà Nguyễn Thị P giáp ranh. Bà H2 đồng ý cho bà C đắp bờ. Đến ngày 17/3/2023, ông H ra ruộng và nhổ cọc bờ, cọc này do bà H2 thống nhất cho bà C cắm để đắp bờ. Đồng thời ông H có lời lẽ xúc phạm, thô tục đối với bà C, hai bên lời qua tiếng lại, ông H xông vào đánh bà C. Ông H dùng tay trái nắm tóc bà C, tay phải đánh vào mặt, vào ngực bà C.

Do mẹ bà C là bà G thấy bà C bị ông H đánh nên từ trong nhà, bà G chạy ra can ngăn, không đánh được ông H và bị ông H đánh vào đầu và lưng bà G. Ông T là cha bà C từ trong nhà chạy ra, có cầm khúc cây, vấp chân bà H2 vợ ông H nên ông T té xuống và làm rớt cây xuống đất. Ngay lúc đó ông H câu cổ ông T, ông H đè ông T xuống ruộng và đánh vào mặt ông T. Lúc đó, bà Dương Thị H3 là người chân vịt gần đó, bà Nguyễn Thị P có ranh đất gần đó và bà H2 vợ ông H chạy lại can ngăn và chứng kiến sự việc và cuộc xô xát chấm dứt. Kết quả, ông H đánh bà C, ông T, bà G bị thương tích. Bà C, ông T, bà G vào nhà, khi vào đến nhà thì ông Lê Văn T2 (ông T2 là em ruột ông H) tự đứng từ bên sông chạy ra sau nhà ông T và đánh ông T4, khi đó có ông Lê Văn C1 chồng bà H3 chặn vịt can ngăn và cũng bị ông T2 đánh. Ông T2 đánh ông T bằng tay, đánh vào mặt nhiều cái, chảy máu, té miệng trong.

Sau khi can ngăn, ông Đặng Trung H1 chồng bà C đưa bà C; bà L ở xóm đưa bà G, ông C1 đưa ông T đến Bệnh viện T8 nhập viện điều trị. Bà C và bà G nhập viện từ ngày 17/3 đến ngày 21/3 xuất viện; ông T thì nhập viện ngày 17/3 đến ngày 18/3 xuất viện.

Tổng số tiền bà C yêu cầu ông H bồi thường là 10.467.753 đồng, cụ thể: Chi phí điều trị của bà C là 5.967.753 đồng (tiền nằm viện, tiền thuốc, có hóa đơn). Chi phí ngày công lao động: 10 ngày x 250.000 đồng/ngày = 2.500.000 đồng. Chi phí ngày công lao động cho người nuôi bệnh là anh Đặng Trung H1. Cụ thể, ngày 400.000 đồng/ngày x 5 ngày = 2.000.000 đồng.

Tổng số tiền ông T yêu cầu ông H và ông T2 liên đới bồi thường là 3.039.168 đồng.

Tổng số tiền bà G yêu cầu ông H bồi thường 6.880.173 đồng (trong đó tiền điều trị thương tích nằm viện và tái khám là 5.630.173 đồng, tiền ngày công lao động 05 ngày x 250.000 đồng = 1.250.000 đồng).

Ngoài ra, bà G và ông T yêu cầu ông H phải bồi thường tổn thất tinh thần cho bà G, ông T với số tiền 29.800.000 đồng. Đồng thời, ông T, bà G, bà C yêu cầu buộc ông T2 và ông H công khai xin lỗi bà G, ông T, bà C.

Tại phiên tòa, bà C đại diện theo ủy quyền của ông T, bà G rút một phần yêu cầu khởi kiện về thu nhập bị mất của ông T, bà G với số tiền 2.500.000 đồng; bà G rút một phần yêu cầu tiền chi phí tái khám với số tiền 226.274 đồng; ông T rút một phần yêu cầu khởi kiện chi phí tái khám với số tiền 600.000 đồng. Bà C yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện về thu nhập bị mất với số tiền 1.250.000 đồng. Ngoài ra, tại phiên tòa, bà C xác định đối với số tiền lấy giấy chứng nhận thương tích 600.000 đồng (200.000 đồng/người x 03 người), do ông T, bà C, bà G không yêu cầu tại đơn khởi kiện nên ông T, bà C, bà G không yêu cầu xem xét số tiền này.

Bị đơn ông Lê Văn H trình bày: Gia đình ông H với gia đình bà Đỗ Thị C có hai phần đất ruộng cận ranh nhau. Đến ngày 17/3/2023 ông H về đám giỗ mẹ vợ ông H nên ông H có ra phần đất ruộng cận sau nhà thì thấy có cái bờ ruộng bà C đào lấn qua đất của gia đình ông H (đã đắp bờ trước đó). Ông H có kêu bà C nói “*sao mày đắp bờ qua đất của tao, con người chứ bộ con cật sao làm ăn gì kỳ vậy, cây dừa này là của tao chứ bộ của ông nội mày sao mà mày dành*”.

Hai bên lời qua tiếng lại, bà C dùng tay chỉ vào mặt ông H và ông H lấy tay phải gạt ngang, bà C nắm áo ông H, đánh vào mặt ông H, ông H tức quá nên có dùng tay phải tát vào mặt bà C một cái, không biết có thương tích gì không. Ông H không hay bà G từ phía sau đi lại, bà G nắm áo ông H, dùng tay đánh vào cổ ông H nên ông H dùng tay gạt bà G ra và trúng vào tay bà G. Ông T từ trong nhà chạy ra cầm cây đồ dầu vuông định đánh ông H nhưng không trúng và vấp phải chân bà H2 vợ ông H nên cây đồ dầu bị rớt xuống đất; Sau đó, ông T xông vào dùng tay đánh vào vai ông H một cái, ông H đánh lại ông T (không rõ đánh vào đâu) một cái, ông T quay sang xiết cổ ông H và bà C có đánh ông H nên ông H cũng có đập lại bà C nhưng không biết trúng vào đâu.

Bà H2 vợ ông H chạy ra la làng lên, sau đó ông C1, bà H3, bà T5 ở gần đó chạy lại can ngăn và chấm dứt đánh nhau. Tất cả ai về nhà nấy. Ông T vào nhà còn nói với ông Lê Văn T2 (lúc này ông T2 ngồi cạnh ông H, bên nhà ông H, ông T2 là em ruột của ông H) thách thức đánh lộn. Từ đó, ông T2 chạy qua nhà ông T, giữa ông T2 và ông T có đánh nhau, không rõ ai đánh ai trước.

Nay ông H chỉ đồng ý bồi thường cho bà C ½ trên số tiền bà C yêu cầu; riêng ông T và bà G yêu cầu thì ông H không đồng ý. Vì ông H không đánh bà G, riêng ông T đánh ông H nên ông H mới đánh lại.

Đồng bị đơn ông Lê Văn T2 trình bày: Ông T2 là em ruột ông H. Hôm xảy ra sự việc ngày 17/3/2023, ông T2 có nghe nói 03 người (bà C, ông T, bà G) đánh 01 người là ông H anh ruột của ông T2 nên từ bên nhà, ông T2 lội qua sông, do nhà ông T2 và ông H cách con sông, khi ông qua đến nhà ông H thì mọi người đã kết thúc, không còn ai đánh ai hết. Từ bên nhà, ông T rủ ông T2 qua đánh lộn. Do có rượu nên ông T2 chạy qua, dùng tay đánh vào mặt ông T hai cái, ông T4 cũng đánh lại ông T2. Sau đó bà C can ngăn nên ông T2 về nhà. Do ông T2 đánh ông T không bị thương tích gì cả nên ông T2 không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của ông T về chi phí điều trị, ngày công lao động, tổn thất tinh

thân và công khai xin lỗi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu trình bày việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Áp dụng khoản 6 Điều 26, Điều 35, Điều 36, Điều 39; khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 584, 585, 586, 587, 588, 590 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 2, 3, 7 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại về sức khỏe của bà C: Chấp nhận 01 phần yêu cầu số tiền bồi thường chi phí điều trị cho bà C là 5.967.753 đồng; không chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện đối với tiền ngày công lao động bị mất của ông H1; chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của bà C về yêu cầu Tòa án buộc ông H bồi thường số tiền bị mất thu nhập thực tế do nằm viện là 1.000.000 đồng; đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện của bà C về số tiền 05 ngày công lao động là 1.250.000 đồng do tại tòa tự nguyện rút yêu cầu.

- Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại về sức khỏe của bà G: Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện về chi phí điều trị cho bà G là 4.630.173 đồng; không chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền thuốc là 773.726 đồng; đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện đối với tiền thuốc là 226.274 đồng; đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện về số tiền 05 ngày công lao động bị mất là 1.250.000 đồng do tự nguyện rút yêu cầu; không chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của bà G về tiền bồi thường tổn thất tinh thần là 10 tháng lương tối thiểu x 1.490.000 đồng = 14.900.000 đồng.

- Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại về sức khỏe của ông T: Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của ông T, buộc ông H và ông T2 cùng có trách nhiệm liên đới bồi thường tiền điều trị cho ông T là 3.039.168 đồng, mỗi người phải chịu 1.519.584 đồng; đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện của ông T đối với số tiền thuốc là 600.000 đồng và tiền ngày công lao động của ông T 05 ngày nằm viện là 1.250.000 đồng; không chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của ông T về tiền bồi thường tổn thất tinh thần là 10 tháng lương tối thiểu x 1.490.000 đồng = 14.900.000 đồng.

Không chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn ông Đỗ Văn T, bà Nguyễn Thị G, bà Đỗ Thị C, bà Nguyễn Thị G yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Văn H và ông Lê Văn T2 công khai xin lỗi.

- Về án phí: Ông Lê Văn H, ông Lê Văn T2 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Ông T, bà C, bà G khởi kiện ông H, ông T2 yêu cầu bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm nên quan hệ pháp luật là tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng theo quy định tại Điều 590 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 6 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông T2 cư trú tại ấp T, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu; ông H cư trú ấp B, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đồng thời, đồng bị đơn ông Lê Văn T2 có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T2 theo quy định tại khoản 1, Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý vụ án bà C xác định, tại Công an xã L bà có yêu cầu xử lý trách hình sự đối với ông H và ông T2 nhưng không được xem xét. Qua đó, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi có gửi văn bản cho Công an xã L và Công an huyện V yêu cầu làm rõ có hay không việc cấu thành tội cố ý gây thương tích đối với ông H và ông T2 liên quan đến sự vụ đánh nhau ngày 17/3/2023. Căn cứ công văn trả lời số 03/CAX ngày 05/9/2023 của Công an xã L và Công văn số 499/CAVL-ĐTTH ngày 23/10/2023 của Công an huyện V xác định: Qua kiểm tra sự vụ xảy ra ngày 17/3/2023 liên quan giữa bà Đỗ Thị C với ông Lê Văn H và ông Lê Văn T2, đây là vụ việc an ninh trật tự, không phải là nguồn tin về tội phạm và đã được Công an xã L tiếp nhận, giải quyết theo quy định pháp luật. Căn cứ vào biên bản ấy lời khai ngày 06/11/2023, bà C xác định không yêu cầu xử lý hình sự đối với ông T2, ông H. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, chỉ xem xét về trách nhiệm dân sự trong việc bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng theo quy định pháp luật.

[3] Quá trình làm việc tại Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà C đại diện theo ủy quyền của ông T, bà G rút một phần yêu cầu khởi kiện về thu nhập bị mất của ông T, bà G với số tiền 2.500.000 đồng; bà G rút một phần yêu cầu tiền chi phí tái khám với số tiền 226.274 đồng; ông T rút một phần yêu cầu khởi kiện chi phí tái khám với số tiền 600.000 đồng. Bà C rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với thu nhập bị mất 05 ngày với số tiền 1.250.000 đồng (do đơn khởi kiện bà C yêu cầu ông H bồi thường 10 ngày bị mất thu nhập với số tiền 2.500.000 đồng).

Hội đồng xét xử xét thấy việc bà C, bà G, ông T rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông H là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc, không trái pháp luật nên cần ghi nhận; đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà G đối với ông H với số tiền rút là 1.476.274 đồng; đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông T đối với ông H với số tiền rút là 1.850.000 đồng; đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà C đối với ông H với số tiền rút là 1.250.000 đồng.

Đối với chi phí lấy giấy chứng nhận thương tích: Bà C xác định đối với số tiền lấy giấy chứng nhận thương tích 600.000 đồng (200.000 đồng/người x 03 người), do ông T, bà C, bà G không yêu cầu tại đơn khởi kiện nên ông T, bà C, bà G không yêu cầu xem xét số tiền này, từ đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Do mâu thuẫn về ranh đất, ngày 17/3/2023 giữa bà C với ông H có lời lẽ cự cãi qua lại. Phía ông H xác định, khi bà C thừa nhận bờ ranh do bà C đắp, ông H không đồng ý vì cho rằng bà C đắp lấn qua đất của ông H nên ông H có những lời nói thô tục, xúc

phạm đến bà C. Ông H xác định bà C đánh ông H trước nhưng bà C không thừa nhận, ông H lại không chứng minh có việc bà C đánh ông H trước. Đáng lẽ, việc bà C đắp bờ ranh lấn qua đất của ông H, ông H không đồng ý thì được quyền khởi kiện bà C theo quy định pháp luật. Đằng này ông H lại dùng những lời lẽ thô tục, khó nghe, từ đó dẫn đến việc đánh nhau. Do đó, phần lớn lỗi thuộc về ông H.

Bên cạnh đó, ông T lại có hành động dùng cây chày từ trong nhà ra ruộng định đánh ông H, nhưng do vấp chân bà H2 vợ ông H nên cây bị rơi xuống đất; từ đó các bên chỉ đánh nhau bằng tay và xô xát với nhau. Do đó, phía ông T4, bà C, bà G cũng có 01 phần lỗi nhỏ, làm mất an ninh trật tự tại địa phương. Phía ông T2 là em ruột ông H, chỉ vì lời nói khiêu khích của ông T dẫn đến ông T2 đánh ông T gây thương tích. Do đó, ông T2 phải cùng liên đới trách nhiệm với ông H đối với thương tích của ông T. Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cần xác định ông T2, ông H lỗi 08 phần; ông T, bà G, bà C lỗi 02 phần đối với thiệt hại xảy ra.

[4.1] Theo Giấy chứng nhận thương tích ngày 23 tháng 3 năm 2023 của Bệnh viện Đ (bút lục 113 đến 118), ông T nhập viện vào ngày 17 tháng 3 năm 2023, đến ngày 18 tháng 3 năm 2023 ông T xuất viện; bà G và bà C nhập viện ngày 17/3/2023 đến ngày 21/3/2023 xuất viện là có xảy ra trên thực tế. Tình trạng ông T lúc vào viện đau đầu, đau gối phải, xung nề vùng cằm, nhiều vết xước da vùng trán, mặt, cổ trước và nhiều vết xước gối phải; tình trạng bà C lúc vào viện: Đau mắt, đau đầu, đau ngực sau, xung nề vùng cằm, vùng má bị xung và bầm hai bên, vết xước da vùng mũi, chảy máu; tình trạng bà G lúc vào viện: Đau lồi ngực sau, khó thở, xung nề bầm vùng ngực sau.

Ông T2 thừa nhận có đánh ông T; ông H thừa nhận có đánh bà C, có đánh ông T, có gạt tay bà G làm bà G bị té. Căn cứ khoản 1 Điều 584 của Bộ luật Dân sự, ông H phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho bà C, bà G; ông H và ông T2 phải có cùng có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại sức khỏe cho ông T.

[4.2] Về chi phí điều trị thương tích, theo các hóa đơn chứng từ là hóa đơn bán hàng, phiếu thu do bà C, ông T, bà G cung cấp trong hồ sơ vụ án thể hiện chi phí điều trị như sau:

[4.2.1] Đối với chi phí điều trị của bà C: Bà C yêu cầu ông H bồi thường chi phí điều trị 5.967.753 đồng. Do chi phí điều trị thương tích có hóa đơn hợp lệ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.2.2] Đối với chi phí điều trị của bà G: Bà G có cung cấp hóa đơn và bảng kê tổng hợp điều trị với số tiền 4.630.173 đồng là hợp lệ nên được chấp nhận. Ngoài ra, bà G có yêu cầu ông H bồi thường chi phí tái khám với số tiền 773.726 đồng. Căn cứ công văn số 468/ BVTVIKTTH ngày 14/8/2023 và Công văn trả lời số 511/ BVTVIKTTH ngày 08/9/2023 của Bệnh viện Đ xác định việc bà G tái khám được sự chỉ định của bác sĩ. Tại phiên tòa, bà C xác định bác sĩ điều trị hẹn 07 ngày tái khám kể từ ngày cấp thuốc theo toa thuốc ngày 21/3/2023 nhưng do bà G cảm thấy khó thở, mệt mỏi nên đã tái khám trước hẹn. Hội đồng xét xử xét thấy việc bà C trình bày là hợp lý, bởi trong khoảng thời gian xuất viện, bệnh nhân cảm thấy không khỏe vẫn được quyền đến tái khám trước hẹn. Ngoài ra, đơn khởi kiện bà G yêu cầu tiền thuốc tái khám ngày 23/3/2023 là 1.000.000 đồng, theo bà C tiền thuốc ở đây được hiểu là toàn bộ chi phí tái khám. Hội đồng xét xử

xét thấy, mặc dù đơn khởi kiện bà G không nói rõ ràng cụ thể bao gồm những khoản tiền nào nhưng Hội đồng xét xử vẫn chấp nhận trên những số tiền hợp lý thực tế đã phát sinh khi tái khám. Theo toa thuốc ngày 23/3/2023, có thuốc điều trị tim, đau cột sống thắt lưng và trào ngược dạ dày. Hội đồng xét xử xét thấy chỉ chấp nhận phần tiền thuốc đau cột sống thắt lưng vì khi bà G bị đánh ngày 17/3/2023 tình trạng nhập viện có bầm vùng thắt lưng; riêng về bệnh tim và trào ngược dạ dày không liên quan đến việc gây thương tích nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Như vậy, theo văn bản trả lời của Bệnh viện T8 thì chi phí tiền thuốc đau thắt lưng cột sống là 50.869 đồng. Ngoài ra, lần tái khám này, bà G được chỉ định chụp X quang, điện tim với số tiền 204.200 đồng, tiền khám bệnh 100.000 đồng. Như vậy, tổng chi phí tái khám của bà G được chấp nhận là 355.069 đồng. Tổng chi phí điều trị của bà G được chấp nhận là 4.985.242 đồng. Không chấp nhận yêu cầu chi phí điều trị, tái khám của bà G với số tiền 418.657 đồng.

[4.2.3] Đối với chi phí điều trị của ông T: Như đã trình bày trên, ông T2, ông H thừa nhận có đánh ông T. Do đó, theo hóa đơn ông T điều trị 3.039.168 đồng là hợp lệ nên được chấp nhận, đồng thời ông T2, ông H cùng liên đới chịu trách nhiệm bồi thường số tiền này cho ông T.

[4.3] Ngoài chi phí điều trị, bà C còn yêu cầu chi phí thu nhập bị mất của bà C và chồng bà là ông H1 là người chăm sóc cho bà khi nằm viện điều trị. Căn cứ vào biên bản lấy lời khai của ông Nguyễn Tố H4 là Giám đốc của Công ty G1 và giải trí Quang T6, nơi bà C làm tạp vụ và chồng bà C là ông H1 làm nhân viên kỹ thuật. Ông H4 xác định, tháng 3 năm 2023, ông H1 có xin phép nghỉ chăm sóc vợ nằm viện, Công ty thấy hoàn cảnh ông H1 khó khăn nên không trừ lương những ngày ông H1 nghỉ. Tức là tháng 3 năm 2023, Công ty thanh toán đầy đủ lương cho ông H1. Riêng bà C làm tạp vụ, ngày nào trả tiền ngày đó nên những ngày bà C nằm viện điều trị thương tích, Công ty không trả lương cho bà C. Căn cứ vào xác nhận của công ty, mỗi ngày trả công bà C 250.000 đồng/ngày, số tiền mất thu nhập của bà C được chấp nhận là 250.000 đồng/ngày x 05 ngày = 1.250.000 đồng. Riêng đối với yêu cầu mất thu nhập của ông H1 2.000.000 đồng không được chấp nhận, lý do thực tế ông H1 không bị mất thu nhập. Trường hợp sau này ông H1 chứng minh được Công ty G1 và giải trí Quang Thắng không thanh toán đầy đủ lương tháng 3/2023 thì ông H1 được quyền khởi kiện Công ty G1 và giải trí Quang Thắng ở vụ án khác.

[4.4]. Chi phí tổn thất tinh thần: Như đã phân tích trên, vụ việc đánh nhau giữa ông H, ông T2 với bà C, bà G và ông T phần lớn thuộc về lỗi ông H và ông T2. Tuy nhiên, đơn khởi kiện ông T, bà G chỉ đặt ra yêu cầu thiệt hại về tổn thất tinh thần đối với ông H. Từ đó, hội đồng xét xử không xem xét trách nhiệm bồi thường tổn thất tinh thần đối với ông T2. Cần buộc ông H có trách nhiệm thanh toán tiền tổn thất tinh thần cho bà G, ông T (đã xem xét trên mức độ lỗi) với số tiền là 3.000.000 đồng (bà G và ông T mỗi người được chấp nhận 1.500.000 đồng). Không chấp nhận yêu cầu tổn thất tinh thần của bà G, ông T với số tiền 26.800.000 đồng.

Tổng số tiền bà C, bà G, ông T yêu cầu được chấp nhận là 15.242.163 đồng x 80% = 12.193.730 đồng + 3.000.000 đồng tiền tổn thất tinh thần) = 15.193.730 đồng. Trong đó, ông H phải bồi thường cho bà C, bà G, ông T là 13.978.063 đồng (cụ thể: Ông H bồi thường cho bà C số tiền 5.774.202 đồng; ông H bồi thường cho bà G số tiền 5.488.194

đồng; ông H bồi thường cho ông T số tiền 2.715.667 đồng), ông T2 bồi thường cho ông T số tiền 1.215.667 đồng.

[5] Như đã phân tích trên, ông H, ông T2, bà C, ông T và bà G đều có lỗi; hơn nữa bà C, ông T cho rằng sau khi bà C, ông T và bà G xuất viện về nhà thì ông H chửi gia đình bà C cho rằng gia đình bà C giả bệnh. Tuy nhiên, cả bà C, ông T và bà G không chứng minh được vấn đề này. Từ đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của bà C, ông T và bà G về việc buộc ông H, ông T2 công khai xin lỗi.

Ngoài ra, quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Văn H xác định, ngày 07/4/2023 Công an xã L có tiến hành hòa giải vụ việc đánh nhau giữa ông với bà C, ông T, bà G. Trên cơ sở động viên của Công an xã L, ông H đồng ý hỗ trợ gia đình bà C chi phí tiền khám, điều trị số tiền 13.637.000 đồng và ông đã nộp số tiền này cho Công an xã L. Quá trình làm việc tại Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay, ông H xác định số tiền mà ông gửi tại Công an xã L, ông sẽ tự thỏa thuận với Công an xã L, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên từ đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định điểm d khoản 1 Điều 12 và khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông H phải chịu án phí 5% của số tiền 13.978.063 đồng do Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông T, bà C, bà G với số tiền án phí là 698.903 đồng. Ông T2 phải chịu án phí 5% của số tiền đôi 1.215.667 đồng do Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông T đối với ông T2 với số tiền án phí là 300.000 đồng.

Ông T, bà C, bà G không phải chịu án phí đối với yêu cầu không được Tòa án chấp nhận do thuộc trường hợp được miễn án phí.

[7] Từ đó, có căn cứ chấp nhận một phần lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 6 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, Điều 590 của Bộ luật Dân sự; điểm d khoản 1 Điều 12, điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn T, bà Đỗ Thị C, bà Nguyễn Thị G đối với ông Lê Văn H về việc yêu cầu ông Lê Văn H phải bồi thường thiệt hại về sức khỏe, tổn thất tinh thần với số tiền 13.978.063 đồng.

* Buộc ông Lê Văn H có trách nhiệm bồi thường cho bà Đỗ Thị C số tiền 5.774.202 đồng; bồi thường cho bà Nguyễn Thị G số tiền 5.488.194 đồng; bồi thường cho ông Đỗ Văn T số tiền 2.715.667 đồng).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn T đối với ông Lê Văn T2 về việc yêu cầu ông Lê Văn T2 phải bồi thường thiệt hại về sức khỏe với số tiền 1.215.667 đồng.

* Buộc ông Lê Văn H có trách nhiệm bồi thường cho ông Đỗ Văn T số tiền 1.215.667 đồng.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn T7, bà Nguyễn Thị G đối với ông Lê Văn H về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại về tổn thất tinh thần với số tiền 26.800.000 đồng.

* Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị G đối với ông Lê Văn H về chi phí điều trị (tái khám) với số tiền 418.657 đồng.

* Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị C đối với ông Lê Văn H về thu nhập bị mất của người nuôi bệnh với số tiền 2.000.000 đồng.

5. Chấp nhận yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn T, bà Nguyễn Thị G đối với ông Lê Văn H về yêu cầu thu nhập bị mất của ông T, bà G với số tiền 2.500.000 đồng; chấp nhận yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị G, ông Đỗ Văn T đối với ông Lê Văn H về yêu cầu chi phí tái khám với số tiền 826.274 đồng (bà G số tiền 226.274 đồng; ông T số tiền 600.000 đồng); chấp nhận yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị C đối với ông Lê Văn H đối với thu nhập bị mất 05 ngày với số tiền 1.250.000 đồng.

6. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn T, bà Đỗ Thị C, bà Nguyễn Thị G đối với ông Lê Văn H và ông Lê Văn T2 về việc yêu cầu ông Lê Văn H và ông Lê Văn T2 công khai xin lỗi.

7. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn T, bà Nguyễn Thị G đối với ông Lê Văn H về yêu cầu thu nhập bị mất của ông T, bà G với số tiền 2.500.000 đồng.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị G, ông Đỗ Văn T đối với ông Lê Văn H về yêu cầu chi phí tái khám với số tiền 826.274 đồng (bà G số tiền 226.274 đồng; ông T số tiền 600.000 đồng).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị C đối với ông Lê Văn H đối với thu nhập bị mất 05 ngày với số tiền 1.250.000 đồng.

8. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Văn H phải chịu số tiền án phí dân sự có giá ngạch là 698.903 đồng. Ông Lê Văn T2 phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 300.000 đồng.

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Đỗ Văn T, bà Đỗ Thị C, bà Nguyễn Thị G.

9. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án,

quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

10. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời gian 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Vĩnh Lợi;
- CCTHADS huyện Vĩnh Lợi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thụy Lan Chi